

Số: 67/KH-HH

Gia Nghĩa, ngày 23 tháng 9 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### **Thu chi các khoản, thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết Quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ công văn số 5397/UBND-KGVX, của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, ngày 09/09/2024, về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 - 2025;

Căn cứ công văn số 1715/SGDĐT - TCCBTC, ngày 10 tháng 9 năm 2024, về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 - 2025;

Căn cứ công văn số 1363/UBND-TCKH, ngày 06/06/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 - 2025;

Trường Mầm Non Hoa Hồng xây dựng kế hoạch thu và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

#### **I. Đặc điểm tình hình:**

##### **1. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Phòng GD&ĐT, Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác được giao. Nội bộ nhà trường đoàn kết, thống nhất, luôn phát huy được những giá trị tích cực của xã hội nói chung, của sự nghiệp giáo dục địa phương nói riêng.

##### **2. Khó khăn:**

Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, thắt chặt kinh phí nên việc đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường còn gặp nhiều khó khăn hạn chế. Trang thiết bị còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu

dạy và học của nhà trường, lớp học giảm do không được bổ sung biên chế. Đây cũng là những khó khăn chung cho hoạt động của nhà trường trong năm học này.

## **II. Các khoản thu**

### **2.1. Thu Học phí:**

Thực hiện Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 25/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

**Mức thu: 30.000đ/ tháng/ HS** (Thu theo tháng, nếu phụ huynh có yêu cầu có thể nộp 1 lần).

### **2.2 Đối tượng miễn học phí:**

Trẻ em học mẫu giáo khuyết tật, không có nguồn nuôi dưỡng.

Trẻ em học mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).

Trẻ em mầm non học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

### **2.3 Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí**

#### **2.3.1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:**

- Trẻ em học mẫu giáo là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **2.3.2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:**

- Trẻ em học mẫu giáo là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- Trẻ em học mẫu giáo tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

### 2.3.3. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

- Trẻ em học mẫu giáo tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

### III. Các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ:

TT	Các khoản thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1</b>	<b>Dịch vụ phục vụ cho công tác bán trú</b>		
-	<b>Chăm sóc dinh dưỡng</b>		
+	Tiền ăn	Đồng/học sinh/ngày	25.000
+	Thuê người nấu ăn	Đồng/học sinh/tháng	100.000
-	Chăm sóc ăn, ngủ	Đồng/học sinh/tháng	120.000
-	<b>Đồ dùng bán trú</b>		
+	Trang bị đầu cấp (HS Lớp Mầm)	Đồng/học sinh/năm học	300.000
+	Trang bị hàng năm (HS Chồi, Lá)	Đồng/học sinh/năm học	100.000
-	Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn, ở bán trú	Đồng/học sinh/năm học	30.000
-	Điện sử dụng quạt	Đồng/học sinh/tháng	6.000
<b>2</b>	<b>Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho người học</b>		
-	Nước uống tại lớp	Đồng/học sinh/tháng	8.000

(có bảng dự toán thu - chi kèm theo)

### IV. Nguyên tắc thực hiện:

#### 1. Dịch vụ phục vụ cho công tác bán trú:

##### a) Tiền ăn

- Tiền ăn: Mua thực phẩm tươi sống, gia vị, thực phẩm khô và các vật tư hàng hóa phục vụ cho học sinh ăn ở bán trú. Mua giấy lau miệng trước và sau khi ăn, nước rửa tay, khẩu trang, bao tay chia thức ăn ... Ăn được dựa trên thực đơn xây dựng theo tuần niêm yết/ các lớp, nhà bếp, bảng thông tin của trường. Giá thực phẩm biến động theo thị trường cần điều chỉnh mức ăn nhà trường sẽ họp

phụ huynh bàn bạc cụ thể để cân đối phù hợp. Thống nhất và cam kết với nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo về số lượng, chất lượng và giá cả, hồ sơ pháp lý đầy đủ, đúng quy định.

**b) Thuê người nấu ăn:**

Sử dụng 80% số tiền thu được/ sĩ số học sinh thực học hàng tháng, chi trả thù lao cho người trực tiếp nấu ăn.

**c) Chăm sóc giấc ngủ:**

Sử dụng 80% số tiền thu được/ sĩ số học sinh thực học hàng tháng, chi trả thù lao cho người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chăm sóc trẻ ăn, ngủ...

**d) Công tác quản lý hành chính, cán bộ, nhân viên:**

- Sử dụng 20%/ khoản thu nấu ăn; 20%/ khoản thu chăm sóc giấc ngủ.

- Dự kiến chi: HT 6,5%; PHT 5,5%; KT 4,5%; TQ 3,5%, tổng bằng 20%.

**e) Đồ dùng bán trú:**

+ Trang bị đầu cấp: Mua sạp gỗ cho học sinh ngủ nghỉ.

+ Trang bị hàng năm: Mua bổ sung đồ dùng bán trú khi có hư hỏng: Máy bơm nước, ống nước, bếp ga công nghiệp, xô đựng thức ăn, canh, cơm, thau ướp thực phẩm, thau rửa, rổ rá; thau, xô, sạp gỗ cho học sinh ngủ nghỉ...

**f) Trang bị cá nhân:** Tô, thìa ăn cơm, ca uống nước cho trẻ.

**g) Điện sử dụng quạt:** Chi theo hóa đơn điện năng tiêu thụ/tháng

**2. Dịch vụ phục vụ trực tiếp người học:**

- **Nước uống học sinh trên lớp:** Chi theo nhu cầu sử dụng hàng tháng của trẻ. Theo tình hình sử dụng thực tế.

**V. Công tác quản lý thu, chi:**

Tổ chức thu, chi đúng mục đích theo quy định tại thông tư số 19/2005/TT-BTC, ngày 11/03/2005 của Bộ tài chính Ban hành quy chế công khai tài chính từ nguồn ngân sách và nguồn đóng góp của nhân dân. Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GDĐT Ban hành Quy chế công khai đối cơ sở GDĐT thuộc hệ thống GD quốc dân.

1. Việc thu, chi các khoản kinh phí thu theo quy định, thu theo thỏa thuận phục vụ trực tiếp cho học sinh. Thực hiện nguyên tắc công khai dân chủ, minh bạch, thu đúng mục đích và thu đủ chi, Công khai trên bảng thông tin sau mỗi đợt thu, chi; tại các cuộc họp CMHS; báo cáo quản lý cấp trên.

2. Tổ chức thực hiện công tác hoạch toán kế toán, quyết toán, thống kê các khoản thu theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm

tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý GD có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, chứng từ, tài liệu cung cấp.

3. Khi thu bất cứ một khoản thu nào từ học sinh hoặc CMHS, nhà trường phải cung cấp (STK để phụ huynh chuyển khoản) hoặc biên lai, phiếu thu tiền cho học sinh, CMHS tùy theo tính chất của khoản thu. Số tiền thu được định kỳ phải gửi Ngân hàng (các khoản thu nếu có) không để tồn nhiều tiền mặt tại trường để hạn chế tối đa những rủi ro có thể xảy ra.

4. Biểu dương những tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm có những đóng góp, trao tặng hiện vật... trên bảng tin của trường và các buổi họp cha mẹ học sinh.

Trên đây là kế hoạch thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025.

**Nơi nhận:**

- PGD, UBND phường (b/c);
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Đoàn Thị Hà*



## BẢNG TỔNG HỢP THU CÁC KHOẢN

(Kèm theo kế hoạch số: 07 /KH-HH, ngày 23 tháng 9 năm 2024)

### (ĐỐI VỚI HỌC SINH KHỎI MẦM)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2024, ngày 25/6/2024 của HĐND tỉnh ĐN.	30.000đ/học sinh/tháng x 9 tháng	270.000đ
II	<b>Các khoản thu dịch vụ</b>		
1	Thu dịch vụ phục vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD: Theo Nghị quyết số 06/2021, ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông.		
-	<b>Chăm sóc dinh dưỡng</b>		
+	Tiền ăn	25.000đ/học sinh/ngày	
+	Thuê người nấu ăn	100.000đ/học sinh/tháng	
-	Chăm sóc ăn, ngủ	120.000đ/học sinh/tháng	
-	<b>Đồ dùng bán trú</b>		
+	Trang bị đầu cấp: <i>HS mầm</i>	300.000 / năm học	
-	Trang thiết bị cá nhân đối với học sinh ăn, ở bán trú	30.000 / năm học	
-	Điện sử dụng quạt	6.000đ/học sinh/tháng	
2	<b>Dịch vụ phục vụ rục tiếp cho người học</b>		
-	Nước uống trên lớp	8.000đ/học sinh/tháng	

\* Tiền ăn thu theo ngày

- Bảo hiểm thân thể học sinh: 80.000đ/em/ năm học